

SỐ MÔN CÁC LỚP CAO ĐẲNG 2017

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên học phần: Học trước (a) Song hành (b)	Ghi chú
Học kỳ 1					15
Học phần bắt					
1	LLCT101	Chính trị	6(6,0,12)	4ĐCN, 1CNKTCĐT, 1ĐTCN, 4 CNKTĐĐT, 1CNKTĐK&TĐH	
2	KHCB105	Giáo dục thể chất	2(0,2,1)	4ĐCN, 1CNKTCĐT, 1ĐTCN, 4 CNKTĐĐT, 1CNKTĐK&TĐH	
3	KHCB107	Giáo dục quốc phòng - An ninh	4(3,1,7)	4ĐCN, 1CNKTCĐT, 1ĐTCN, 4 CNKTĐĐT, 1CNKTĐK&TĐH	
4	DDT101	Mạch điện	3(3,0,6)	4ĐCN, 1CNKTCĐT, 1ĐTCN, 4 CNKTĐĐT, 1CNKTĐK&TĐH	
Học kỳ 2			21		
Học phần bắt					
1	DDT107	An toàn điện	2(2,0,4)	4ĐCN, 1CNKTCĐT, 1ĐTCN, 4 CNKTĐĐT, 1CNKTĐK&TĐH	
2	DDT118	Cung cấp điện	2(2,0,4)	4 ĐCN	
3	DDT105	Điện tử cơ bản	2(2,0,4)	4ĐCN, 1CNKTCĐT, 1ĐTCN, 4 CNKTĐĐT, 1CNKTĐK&TĐH	
4	DDT114	Điện tử công suất	2(2,0,4)	1CNKTCĐT	
5	DDT115	Điện tử tương tự	2(2,0,4)	4 CNKTĐĐT, 1CNKTĐK&TĐH	
6	DDT115	Khí cụ điện	2(2,0,4)	4 ĐCN, 4 CNKTĐĐT, 1CNKTĐK&TĐH	
7	CK123	Kỹ thuật thủy lực -khí nén	2(2,0,4)	1CNKTCĐT	
8	DDT103	Kỹ thuật số	2(2,0,4)	4ĐCN, 1CNKTCĐT, 1ĐTCN, 4 CNKTĐĐT, 1CNKTĐK&TĐH	
9	DDT109	Máy điện	3(3,0,6)	4ĐCN, 1ĐTCN, 4 CNKTĐĐT, 1CNKTĐK&TĐH	
10	DDT110	Lập trình PLC	2(2,0,4)	1CNKTCĐT, 1ĐTCN	
11	DDT112	Trang bị điện	2(2,0,4)	1ĐTCN	
12	DDT108	TT Điện cơ bản	2(0,2,1)	4ĐCN, 1CNKTCĐT, 1ĐTCN, 4 CNKTĐĐT, 1CNKTĐK&TĐH	
13	DDT106	TT Điện tử cơ bản	2(0,2,1)	4ĐCN, 1CNKTCĐT, 1ĐTCN, 4 CNKTĐĐT, 1CNKTĐK&TĐH	
14	DDT102	TT Đo lường và cảm biến	2(0,2,1)	1CNKTCĐT, 1ĐTCN, 4 CNKTĐĐT, 1CNKTĐK&TĐH	
15	DDT104	TT Kỹ thuật số	2(0,2,1)	1ĐTCN, 4 CNKTĐĐT, 1CNKTĐK&TĐH	
15	DDT120	TT Máy điện	2(0,2,1)	4 ĐCN	
17	DDT113	TT Trang bị điện	2(0,2,1)	1CNKTCĐT	
18	DDT117	TT Vẽ điện	2(0,2,1)	4 ĐCN	
19	CK195	Vẽ kỹ thuật	2(2,0,4)	1CNKTCĐT	